

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 23 tháng 3 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH  
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 5 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Xét Tờ trình số 15/TTr-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 06/BC-KTNS ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2022, với các nội dung như sau:

1. Bổ sung 884.311 triệu đồng vào tổng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025.

*(Chi tiết có Phụ lục 01 kèm theo)*

2. Bổ sung danh mục các công trình hạ tầng để phát triển quỹ đất; các khu tái định cư, hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án của tỉnh.

(Chi tiết có Phụ lục 02 kèm theo)

3. Bổ sung 409.029,064 triệu đồng vào tổng nguồn kế hoạch đầu tư công năm 2022 vốn ngân sách địa phương.

(Chi tiết có Phụ lục số 03,04 kèm theo)

4. Kế hoạch sử dụng nguồn tăng thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh năm 2021 chuyển sang năm 2022 với số tiền là 782.307,148 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 05 kèm theo)

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 5 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 3 năm 2022.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, Chính phủ (báo cáo);
- TT. Tỉnh ủy (b/cáo); TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị;
- Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp. *th*

**CHỦ TỊCH**



**Hồ Quốc Dũng**

Phụ lục 01

**BỔ SUNG TÔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN  
VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23/3/2022 của HĐND tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn/danh mục	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn bổ sung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi bổ sung (*)	Ghi chú
	<b>VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	26.689.316	884.311	27.573.627	
	<i>Trong đó:</i>				
<b>A</b>	<b>NGUỒN HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH TÍNH KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CỦA DỰ ÁN TUYẾN ĐƯỜNG QUỐC LỘ 19 (ĐOẠN TỪ CẢNG QUY NHƠN ĐẾN GIAO QUỐC LỘ 1)</b>	317.747	12.311	330.058	
	<i>Trong đó:</i>				
1	Quốc lộ 19 (đoạn từ cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1)	-	12.311	12.311	
<b>B</b>	<b>TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỪ CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, NGUỒN THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP</b>	4.500.000	840.000	5.340.000	
	<i>Trong đó:</i>				
1	Các công trình hạ tầng phát triển quỹ đất và các khu tái định cư, hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án của tỉnh		225.888	225.888	(**)
2	Quốc lộ 19 (đoạn từ cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1)		83.000	83.000	
3	Đường vành đai khu Trung tâm phần mềm và công viên khoa học thuộc Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa		31.112	31.112	
4	Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định		190.000	190.000	
5	Xây dựng cầu kết nối đến tháp Bánh Ít		75.000	75.000	
6	Nâng cấp một số đoạn tuyến đảm bảo giao thông suốt không bị ách tắc giao thông vào mùa mưa lũ trên tuyến đường ĐT.629		75.000	75.000	
7	Sửa chữa, cải tạo tuyến đường ĐH.03 (An Hòa đi An Toàn)		50.000	50.000	
8	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Nhơn Hội - Nhơn Hải (đoạn từ Bãi Rỗi đến trạm bơm tăng áp Nhơn Hội)		30.000	30.000	
9	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường ĐT.639 (tuyến Nhơn Hội - Tam Quan) đoạn Km0+450 - Km5+00		15.000	15.000	
10	Tuyến đường tránh qua Nhơn Lý		25.000	25.000	
11	Trồng cây cảnh quan tuyến đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội		40.000	40.000	
<b>C</b>	<b>XÔ SỔ KIẾN THIẾT</b>	600.000	32.000	632.000	

STT	Nguồn vốn/danh mục	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn bổ sung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi bổ sung (*)	Ghi chú
	<i>Trong đó:</i>				
1	Nhà lắp đặt máy xạ trị gia tốc bệnh viện Đa khoa tỉnh		12.000	12.000	
2	Cải tạo, sửa chữa khu nhà Nội Nhi bệnh viện Đa khoa tỉnh		16.000	16.000	
3	Nội thất Đèn thờ Võ Văn Dũng		4.000	4.000	

Ghi chú: (\*) Không phân biệt nguồn vốn

(\*\*) Phân bổ cho các danh mục tại Phụ lục 06 Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 27/7/2021.

**BỔ SUNG DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG ĐỂ PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT; CÁC  
KHU TÁI ĐỊNH CƯ, HỖ TRỢ, BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CÁC DỰ ÁN  
CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23/3/2022 của HĐND tỉnh*

TT	Danh mục dự án	Ghi chú
1	Bồi thường, hỗ trợ do GPMB tại vị trí các đường nhánh nằm trong ranh giới quy hoạch của Khu dân cư tại cụm Kho bãi dọc Quốc lộ 1D, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn	
2	Hạ tầng kỹ thuật và các dự án khác thuộc Khu Đô thị khoa học và Giáo dục Quy Hòa tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	
3	Đường phía Tây tỉnh (ĐT.638), đoạn Km130+00-Km137+580	
4	Mở rộng trường Cao đẳng Bình Định (hạng mục: Nhà thực hành nghề số 01), phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	
5	Phân tuyến đường ngoài phạm vi dự án Khu đô thị mới Chợ Góc, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	
6	Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	
7	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.630 kết nối trung tâm huyện Hoài Ân với thị xã Hoài Nhơn (qua cầu Phú Văn)	
8	Khu tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh (giai đoạn 2)	
9	Khu dân cư tại khu vực phía Đông Tuyến đường ĐT.638 (đường phía Tây tỉnh), xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	
10	Khu đất phía Tây Nam cầu Long Vân, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	



*Thư*

Phụ lục 03

**BỔ SUNG TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**  
**VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23/3/2022 của HĐND tỉnh

DVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn/danh mục	Kế hoạch đầu tư công năm 2022	Kế hoạch vốn bổ sung	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 sau khi bổ sung	Ghi chú
	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.852.560,000	409.029,064	6.261.589,064	
	Trong đó:				
A	NGUỒN HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH TỈNH KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CỦA DỰ ÁN TUYẾN ĐƯỜNG QUỐC LỘ 19 (ĐOẠN TỪ CẢNG QUY NHƠN ĐẾN GIAO QUỐC LỘ 1)		12.311,000	12.311,000	
B	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỪ CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, NGUỒN THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP	1.000.000,000	359.853,064	1.359.853,064	
C	XỔ SỔ KIẾN THIẾT	130.000,000	36.865,000	166.865,000	(*)

Ghi chú: Vốn xổ số kiến thiết bổ sung từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2021 chuyển sang năm 2022



Phụ lục 04  
**DANH MỤC CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG BỔ SUNG NĂM 2022**  
**VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23/3/2022 của HĐND tỉnh

DVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn/danh mục	Kế hoạch đầu tư công năm 2022	Kế hoạch vốn bổ sung	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 sau khi bổ sung	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>409.029,064</b>	<b>442.699,064</b>	
<b>A</b>	<b>NGUỒN HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH TỈNH KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CỦA DỰ ÁN TUYẾN ĐƯỜNG QUỐC LỘ 19 (ĐOẠN TỪ CẢNG QUY NHƠN ĐẾN GIAO QUỐC LỘ 1)</b>		<b>12.311,000</b>	<b>12.311,000</b>	
I	Quốc lộ 19 (đoạn từ cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1)		12.311,000	12.311,000	
<b>B</b>	<b>TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỪ CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, NGUỒN THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP</b>		<b>359.853,064</b>	<b>359.853,064</b>	
I	Hoàn trả tạm ứng hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án của tỉnh		225.887,224	225.887,224	
(1)	Công trình khu đất ở phía Nam đường trục KKT nối dài tại lý trình Km2+400		19.251,236	19.251,236	
(2)	Bồi thường, hỗ trợ do GPMB tại vị trí các đường nhánh nằm trong ranh giới quy hoạch của Khu dân cư tại cụm Kho bãi dọc Quốc lộ 1D, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn		22.299,090	22.299,090	
(3)	Hạ tầng kỹ thuật và các dự án khác thuộc Khu Đô thị khoa học và Giáo dục Quy Hòa tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn		26.426,059	26.426,059	
(4)	Đường trục Khu kinh tế nối dài (đoạn Km4+00-Km18+500)		3.669,065	3.669,065	
(5)	Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, khu vực 7-8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn		29.807,796	29.807,796	
(6)	Mở rộng trường Cao đẳng Bình Định (hạng mục: Nhà thực hành nghề số 01), phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn		1.160,730	1.160,730	
(7)	Hạ tầng kỹ thuật Khu Đô mới Long Vân (khu A 2) Phường Trần Quang Diệu, thành Phố Quy Nhơn		5.598,915	5.598,915	
(8)	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Long Vân		3.164,293	3.164,293	
(9)	Phân tuyến đường ngoài phạm vi dự án Khu đô thị mới Chợ Góc, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn		778,939	778,939	
(10)	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất xí nghiệp Song Máy xuất khẩu, phân viện điều tra quy hoạch rừng Nam Trung bộ và Tây Nguyên		3.915,905	3.915,905	
(11)	Hạ tầng kỹ thuật dự án đầu tư các tuyến đường kết nối vào Nhà ở xã hội Phường Nhơn Bình		720,527	720,527	
(12)	Đường nối từ đường trục KKT Nhơn Hội đến Khu tâm linh chùa Linh Phong		1.792,902	1.792,902	

*Ural*

STT	Nguồn vốn/danh mục	Kế hoạch đầu tư công năm 2022	Kế hoạch vốn bổ sung	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 sau khi bổ sung	Ghi chú
(13)	Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội (Khu phía Tây đường trục Khu kinh tế) thuộc dự án Bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội		92,524	92,524	
(14)	Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn		99.432,243	99.432,243	
(15)	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.630 kết nối trung tâm huyện Hoài Ân với thị xã Hoài Nhơn (qua cầu Phú Văn)		7.777,000	7.777,000	
2	Hoàn trả tạm ứng Chương trình bê tông xi măng GTNT và Kiên cố hóa kênh mương	-	5.965,840	5.965,840	
3	Quốc lộ 19 (đoạn từ cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1)		83.000,000	83.000,000	
4	Đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu Đô thị Diêm Văn		45.000,000	45.000,000	
C	<b>XỐ SỔ KIẾN THIẾT</b>		<b>36.865,000</b>	<b>70.535,000</b>	
1	Nhà lắp đặt máy xạ trị gia tốc bệnh viện Đa khoa tỉnh		8.000,000	8.000,000	
2	Cải tạo, sửa chữa khu nhà Nội Nhi bệnh viện Đa khoa tỉnh		8.000,000	8.000,000	
3	Nội thất Đền thờ Võ Văn Dũng		2.000,000	2.000,000	
4	Trường THCS Ân Thạnh; hạng mục: Xây dựng 08 phòng học, 04 phòng bộ môn và hiệu bộ	1.500,000	1.300,000	2.800,000	
5	Trường THCS Tăng Bạt Hổ. HM: XD mới nhà lớp học 06 phòng, 04 phòng bộ môn và nhà hiệu bộ	1.500,000	180,000	1.680,000	
6	Trường mầm non Ân Hữu (Điểm chính) nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	1.300,000	61,000	1.361,000	
7	Trường THCS Ân Tường Tây (NBM 02 tầng 06 phòng)	2.500,000	1.357,000	3.857,000	
8	Trường mầm non Ân Tường Đông (nhà lớp học 02 tầng 06 phòng)	1.700,000	500,000	2.200,000	
9	Trường THCS Ân Nghĩa, 6 phòng học 2 PBM và khu hiệu bộ	3.000,000	480,000	3.480,000	
10	Trường Mẫu giáo bán trú xã Cát Tiến, hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng, Nhà hiệu bộ và Nhà ăn + bếp	2.370,000	1.000,000	3.370,000	
11	Trường Trung học cơ sở Cát Tài, hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng	1.500,000	500,000	2.000,000	
12	Trường THCS Mỹ Tài, hạng mục: Nhà lớp học bộ môn 02 tầng 06 phòng	1.200,000	318,000	1.518,000	
13	Trường THCS Mỹ Trinh, hạng mục: Nhà bộ môn 2 tầng 4 phòng	1.000,000	130,000	1.130,000	
14	Trường Tiểu học Bình Tân; hạng mục: Xây dựng 04 phòng chức năng và khu hiệu bộ	1.500,000	500,000	2.000,000	
15	Trường mầm non Phú Phong; Hạng mục: Xây mới nhà lớp học 02 tầng 12 phòng, bếp ăn 01 chiều	4.000,000	500,000	4.500,000	
16	Trường Mẫu giáo Nhơn Hòa (điểm chính Tân Hòa) 02 tầng 08 phòng (5 phòng học +3 phòng chức năng)	1.500,000	1.300,000	2.800,000	
17	Trường Tiểu học số 1 phường Bình Định (nhà lớp học 02 tầng 12 phòng)	1.000,000	900,000	1.900,000	



STT	Nguồn vốn/danh mục	Kế hoạch đầu tư công năm 2022	Kế hoạch vốn bổ sung	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 sau khi bổ sung	Ghi chú
18	Trường Tiểu học số 2 phường Bình Định (điểm chính Thanh Niên) - Hạng mục Nhà chức năng phục vụ học tập 02 tầng 06 phòng	700,000	600,000	1.300,000	
19	Trường THCS Hoài Thanh. HM: Nhà bộ môn 02T06P và Nhà hiệu bộ	1.000,000	1.139,000	2.139,000	
20	Trường THCS Hoài Đức. Hạng mục: nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng, nhà hiệu bộ, tường rào	1.200,000	500,000	1.700,000	
21	Trường THCS Hoài Mỹ. HM: Nhà bộ môn, NLH 02T12P và Nhà hiệu bộ	1.200,000	1.300,000	2.500,000	
22	Trường TH số 2 Tam Quan Bắc, hạng mục: nhà lớp học 03 tầng 12 phòng và nhà hiệu bộ	1.500,000	348,000	1.848,000	
23	Sửa chữa, nâng cấp Trạm y tế xã Phước Sơn		500,000	500,000	
24	Trạm Y tế xã Hoài Hải, huyện Hoài Nhơn	1.200,000	767,000	1.967,000	
25	Trạm Y tế phường Bồng Sơn, TX Hoài Nhơn	1.300,000	500,000	1.800,000	
26	Trường THPT Tăng Bạt Hổ (HM: Nhà lớp học 03 tầng 15 phòng)		1.000,000	1.000,000	
27	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ. HM: Nhà lớp học, bộ môn và chức năng 03T (4PH, 06BM, 02PCN)		1.000,000	1.000,000	
28	Cải tạo hệ thống điện của BVĐK tỉnh Bình Định		2.185,000	2.185,000	

*Wd*



**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NGUỒN TĂNG THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2021  
CHUYỂN SANG NĂM 2022**

*Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23/3/2022 của HĐND tỉnh*

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn thông báo (đợt 1)	Ghi chú
	<b>NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỪ CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, NGUỒN THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP</b>	<b>1.359.853,064</b>	<b>782.307,148</b>	
	<i>Trong đó:</i>			
<b>A</b>	<b>DANH MỤC ĐÃ CÓ KẾ HOẠCH</b>	<b>906.000,000</b>	<b>422.454,084</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông, thành phố Quy Nhơn (đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng đến hết Cầu số 2 qua sông Hà Thanh)	20.000,000	10.000,000	
2	Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh	33.000,000	20.000,000	
3	Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Đề Gi - Mỹ Thành	100.000,000	60.000,000	
4	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi	50.000,000	30.000,000	
5	Hạ tầng kỹ thuật Phân khu số 5 Khu đô thị mới Nhơn Hội	2.500,000	1.575,000	
6	Hạ tầng kỹ thuật Phân khu số 8 Khu đô thị mới Nhơn Hội	2.000,000	2.000,000	
7	Khu dân cư dọc tuyến đường nối từ Đường trục KKT đến Khu tâm linh chùa Linh Phong	27.000,000	10.000,000	
8	Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trục Khu kinh tế nổi dài	50.000,000	10.000,000	
9	Khu dân cư và tái định cư Vĩnh Hội	90.000,000	20.000,000	
10	Khu tái định cư Nhơn Phước mở rộng về phía Bắc	19.000,000	9.000,000	
11	Sửa chữa, nâng cấp Khu tái định cư Cát Tiến (Khu 2)	24.000,000	9.000,000	
12	Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và GPMB Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	4.000,000	4.000,000	
13	Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	25.000,000	20.000,000	
14	Trụ sở làm việc Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Định	30.000,000	15.000,000	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn thông báo (đợt 1)	Ghi chú
15	Tuyến đường tránh ĐT.633, đoạn từ Núi Ghềnh đến giáp đường ven biển (ĐT.639)	90.000,000	50.000,000	
16	Xây dựng cầu từ thôn 11 xã Mỹ Thắng đi xã Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ	15.000,000	10.000,000	
17	Sửa chữa, mở rộng cầu Phụ Ngọc	15.000,000	10.000,000	
18	Nâng cao độ nền mặt đường tuyến ĐT 640 đoạn Km 18+178 - Km 19+231	15.000,000	10.000,000	
19	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT 636, đoạn qua xã Phước Hòa, Phước Hưng thuộc địa bàn huyện Tuy Phước	1.000,000	1.000,000	
20	Đường kết nối thị trấn An Lão với đường An Hòa đi Ân Hào Tây	10.000,000	5.000,000	
21	Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	100.000,000	18.579,084	
22	Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (giai đoạn 1)	40.000,000	10.000,000	
23	Hạ tầng kỹ thuật Khu Cải táng thuộc Nghĩa trang nhân dân huyện Tuy Phước	10.000,000	5.000,000	
24	Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn	50.000,000	30.000,000	
25	Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn	25.000,000	10.000,000	
26	Doanh trại Ban CHQS thị xã Hoài Nhơn	5.000,000	2.000,000	
27	Đại đội VKĐ (K6): Tường rào vòng ngoài, Hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy, Nâng cấp mở rộng trạm bảo dưỡng vũ khí; Nhà kho vật chất SSCĐ, Nhà ở chiến sĩ; Nhà vệ sinh; Nhà gác công; Hạ tầng kỹ thuật, Đường bê tông nội bộ tuần tra khu kỹ thuật.	3.500,000	2.500,000	
28	Cải tạo, sửa chữa Bia lưu niệm nơi thành lập LLVT tỉnh	1.000,000	1.000,000	
29	Xây dựng trụ sở làm việc phục vụ công tác cho Công an các xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	35.000,000	28.500,000	
30	Sửa chữa, cải tạo Nhà làm việc P.Tham mưu, Làm sa bàn, Nhà huấn luyện A2, Hạ tầng kỹ thuật Bộ CHQS tỉnh	3.000,000	2.000,000	
31	Công trình: Sh03-BĐ2021	3.000,000	1.500,000	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn thông báo (đợt 1)	Ghi chú
32	Bệnh viện Lao và bệnh phổi Bình Định	5.000,000	3.000,000	
33	Bệnh viện Tâm thần Bình Định	3.000,000	1.800,000	
<b>B</b>	<b>DANH MỤC BỔ SUNG KỲ NÀY</b>	<b>359.853,064</b>	<b>359.853,064</b>	
<b>1</b>	<b>Hoàn trả tạm ứng hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án của tỉnh</b>	<b>225.887,224</b>	<b>225.887,224</b>	
(1)	Công trình khu đất ở phía Nam đường trục KKT nối dài tại lý trình Km2+400	19.251,236	19.251,236	
(2)	Bồi thường, hỗ trợ do GPMB tại vị trí các đường nhánh nằm trong ranh giới quy hoạch của Khu dân cư tại cụm Kho bãi dọc Quốc lộ 1D, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn	22.299,090	22.299,090	
(3)	Hạ tầng kỹ thuật và cá dự án khác thuộc Khu Đô thị khoa học và Giáo dục Quy Hòa tại khu vực 2 , phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	26.426,059	26.426,059	
(4)	Đường trục Khu kinh tế nối dài (đoạn Km4+00-Km18+500)	3.669,065	3.669,065	
(5)	Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, khu vực 7-8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	29.807,796	29.807,796	
(6)	Mở rộng trường Cao đẳng Bình Định (hạng mục: Nhà thực hành nghề số 01), phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	1.160,730	1.160,730	
(7)	Hạ tầng kỹ thuật Khu Đô mới Long Vân (khu A 2) Phường Trần Quang Diệu, thành Phố Quy Nhơn	5.598,915	5.598,915	
(8)	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Long Vân	3.164,293	3.164,293	
(9)	Phần tuyến đường ngoài phạm vi dự án Khu đô thị mới Chợ Góc, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	778,939	778,939	
(10)	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất xí nghiệp Song Mã xuất khẩu, phân viện điều tra quy hoạch rừng Nam Trung bộ và Tây Nguyên	3.915,905	3.915,905	
(11)	Hạ tầng kỹ thuật dự án đầu tư các tuyến đường kết nối vào Nhà ở xã hội Phường Nhơn Bình	720,527	720,527	
(12)	Đường nối từ đường trục KKT Nhơn Hội đến Khu tâm linh chùa Linh Phong	1.724,483	1.724,483	
(13)	Đường nối từ đường trục KKT Nhơn Hội đến Khu tâm linh chùa Linh Phong	68,419	68,419	



*Handwritten signature*

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn thông báo (đợt 1)	Ghi chú
(14)	Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội (Khu phía Tây đường trục Khu kinh tế) thuộc dự án Bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội	92,524	92,524	
(15)	Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	99.432,243	99.432,243	
(16)	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.630 kết nối trung tâm huyện Hoài Ân với thị xã Hoài Nhơn (qua cầu Phú Văn)	7.777,000	7.777,000	
2	Hoàn trả tạm ứng Chương trình bê tông xi măng GTNT và Kiên cố hóa kênh mương	5.965,840	5.965,840	
3	Quốc lộ 19 (đoạn từ cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1)	83.000,000	83.000,000	
4	Đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu Đô thị Diêm Vân	45.000,000	45.000,000	

*Thư*